

## ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I – Đề số 8

Môn: Hóa học - Lớp 10

Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

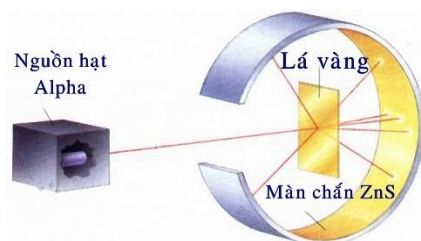


## Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ giữa học kì I của chương trình sách giáo khoa Hóa học 10.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Hóa học.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của giữa học kì I – chương trình Hóa 10.

## PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Hình ảnh dưới đây mô tả thí nghiệm chứng minh nguyên tử có cấu tạo rỗng. Hiện tượng nào chứng tỏ điều đó?



- A. Chùm  $\alpha$  truyền thẳng. B. Chùm  $\alpha$  bị bật ngược trở lại.  
C. Chùm  $\alpha$  bị lệch hướng. D. Chùm  $\alpha$  không thể bị xuyên qua.

**Câu 2:** Một nguyên tử X có 19e và 20n. Ký hiệu của nguyên tử X là:

- A.  ${}_{19}^{58}X$  B.  ${}_{20}^{19}X$  C.  ${}_{58}^{19}X$  D.  ${}_{19}^{39}X$

**Câu 3:** Nguyên tố Carbon có 2 đồng vị bền  ${}^{12}\text{C}$  (98,89%) và  ${}^{13}\text{C}$  (1,11%). Nguyên tử khối trung bình của Carbon là

- A. 12,022 B. 12,500 C. 12,055 D. 12,011

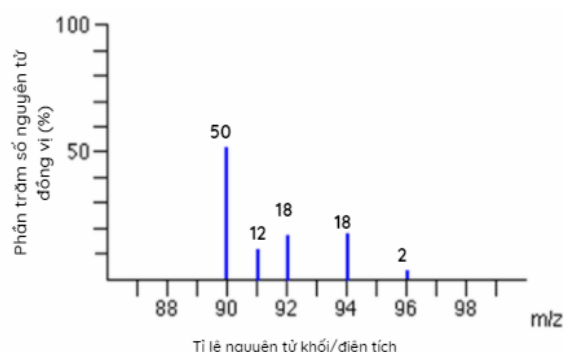
**Câu 4:** Có các nhận định sau:

- (1) Nguyên tố hóa học là tập hợp các nguyên tử có cùng số neutron.
- (2) Đồng vị của nguyên tố là những nguyên tử có cùng số proton nhưng khác số neutron.
- (3) Tất cả những nguyên tử có 1, 2 hoặc 3 electron lớp ngoài cùng đều là nguyên tố kim loại.
- (4) Lớp M có tối đa 18 electron.

Số nhận định sai là:

- A. 4. B. 1. C. 2. D. 3.

**Câu 5:** Cho phổ khối của nguyên tố A được biểu diễn tại hình 1.4.



Hình 1.4. Phổ khối của nguyên tố A.

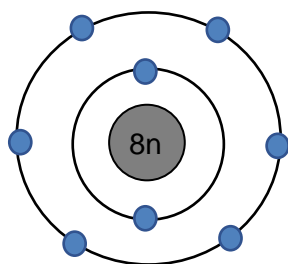
Nguyên tử khối trung bình của nguyên tố A là

- A. 91,32.                      B. 91,40.                      C. 90,00.                      D. 94,23.

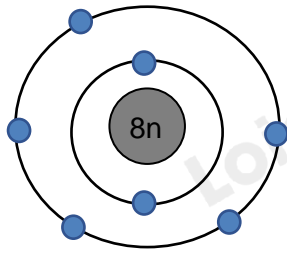
**Câu 6:** Nguyên tố hoá học là những nguyên tử có cùng:

- A. số khối A                      B. số neutron                      C. số proton                      D. số proton và số neutron

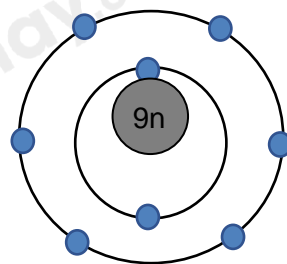
**Câu 7:** Cho hình vẽ mô phỏng các nguyên tử với số liệu như sau:



1



2



3

Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. 1 và 2 là các đồng vị của cùng một nguyên tố hóa học.  
 B. 1 và 3 là các đồng vị của cùng một nguyên tố hóa học.  
 C. 1 và 2 là nguyên tử của hai nguyên tố hóa học khác nhau.  
 D. 1 và 3 có cùng số proton trong hạt nhân.

**Câu 8:** Cho cấu hình electron của các nguyên tố sau:

- a)  $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2$                       b)  $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^1$   
 c)  $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$                       d)  $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^6 4s^2$

Các nguyên tố kim loại là trường hợp nào sau đây?

- A. a, b, c.                      B. a, b, d.                      C. b, c, d.                      D. a, c, d.

**Câu 9:** Nguyên tử của một nguyên tố có tổng số hạt là 114. Số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 26. Kí hiệu nguyên tử của nguyên tố đó là:

- A.  ${}_{79}^{35}Br$                       B.  ${}_{35}^{79}Br$                       C.  ${}_{44}^{81}Br$                       D.  ${}_{81}^{44}Br$

**Câu 10:** Nguyên tử của nguyên tố A và B đều có phân lớp ngoài cùng là 2p. Tổng số electron ở hai phân lớp ngoài cùng hai nguyên tử là 3. Số hiệu nguyên tử của A và B lần lượt là

- A. 1 và 2.                      B. 5 và 6.                      C. 7 và 8.                      D. 7 và 9.

## II. TỰ LUẬN

### Bài 1. (1,5 điểm)

Biết rằng tổng số các loại hạt (p, n, e) trong nguyên tử R là 40, trong đó hạt không mang điện kém hơn số hạt mang điện là 12. Xác định tên của nguyên tố R và viết kí hiệu nguyên tử R (Biết  $Z_{Na}=11$ ,  $Z_{Mg}=12$ ,  $Z_{Al}=13$ ,  $Z_{Ca}=20$ ,  $Z_{K}=19$ ).

**Bài 2. (1 điểm)** Trong tự nhiên, magnesium có 3 đồng vị bền là  ${}^{24}Mg$ ,  ${}^{25}Mg$  và  ${}^{26}Mg$ . Phương pháp phổ khối lượng xác nhận đồng vị  ${}^{26}Mg$  chiếm tỉ lệ phần trăm số nguyên tử là 11%. Biết rằng nguyên tử khối trung bình của Mg là 24,32. Tính % số nguyên tử của đồng vị  ${}^{24}Mg$ , đồng vị  ${}^{25}Mg$ ?